

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



NHAN DAN
TINH KHAN
H HOA
Email:
ubnd@khan
ov.vn
Cơ quan: Ủ
BAN NHAN
DAN TINH
KHANH HC
Ngày ký: 15
2025 10:53:
+07:00

Số: 2940 /UBND-KT

Khánh Hòa, ngày 11 tháng 3 năm 2025

V/v triển khai Thông tư số
09/2025/TT-BTC ngày
28/02/2025 của Bộ Tài chính

Kính gửi: Sở Tài chính

Triển khai Thông tư số 09/2025/TT-BTC ngày 28/02/2025 của Bộ Tài chính về hướng dẫn cơ chế quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện “Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022-2025” ban hành kèm theo Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 08/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ; UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Tài chính phổ biến Thông tư nêu trên đến các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh biết, thực hiện; Chủ trì tổ chức thực hiện các nội dung thuộc thẩm quyền của Sở và kịp thời báo cáo, tham mưu nội dung thuộc thẩm quyền UBND tỉnh đúng quy định./.

(Thông tư số 09/2025/TT-BTC ngày 28/02/2025 của Bộ Tài chính được đăng tải trên Trung tâm Công báo và Cổng thông tin điện tử tỉnh)

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- TT Công báo và Cổng TTĐT tỉnh (thực hiện);
- Lưu: VT, TLe, HT, TNg.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Tấn Tuấn

1



BỘ TÀI CHÍNH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2025/TT-BTC

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

THÔNG TƯ

Hướng dẫn cơ chế quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện “Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022 – 2025” ban hành kèm theo Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022-2025”;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn cơ chế quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện “Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022 – 2025” ban hành kèm theo Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn cơ chế quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện “Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022-2025” ban hành kèm theo Quyết định số

167/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là Chương trình 167), bao gồm: các hoạt động phát triển hệ sinh thái hỗ trợ kinh doanh bền vững; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khu vực tư nhân thực hiện kinh doanh bền vững (sau đây gọi là doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh bền vững); hoạt động quản lý Chương trình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các doanh nghiệp khu vực tư nhân thực hiện kinh doanh bền vững (sau đây gọi là doanh nghiệp kinh doanh bền vững), doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh bền vững, tổ chức thúc đẩy phát triển kinh doanh bền vững theo quy định của pháp luật.

2. Các Bộ, cơ quan trung ương; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) và các đơn vị trực thuộc.

3. Các tổ chức hiệp hội được giao nhiệm vụ thực hiện hoạt động của Chương trình 167 (sau đây gọi tắt là tổ chức hiệp hội) gồm: tổ chức chính trị - xã hội, hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội, được ngân sách nhà nước bảo đảm hoặc hỗ trợ để triển khai nhiệm vụ theo quy định hiện hành và có chức năng hỗ trợ, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp.

4. Cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây gọi là Nghị định số 80/2021/NĐ-CP).

Ⓣ 5. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình 167.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình 167

1. Quy trình lập, phân bổ, giao dự toán, chấp hành và kế toán, kiểm toán, quyết toán ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình 167 theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước, các Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Chính phủ, các văn bản hướng dẫn thi hành và văn bản pháp luật liên quan; đảm bảo thiết thực, hiệu quả, khả thi, tiết kiệm, không trùng lặp hoạt động và lồng ghép tối đa vào các chương trình khác có mục tiêu phù hợp với Chương trình 167; đảm bảo đúng đối tượng, nội dung chi, định mức chi, mức hỗ trợ quy định tại các văn bản pháp luật liên quan.

2. Việc hỗ trợ căn cứ khả năng cân đối nguồn lực ngân sách nhà nước hằng năm. Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần cho các hoạt động theo quy định tại Chương trình 167, nội dung chi và mức chi từ ngân sách nhà nước theo quy định tại Chương II Thông tư này.

3. Các cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình 167 chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc chấp hành các quy định tại Thông tư này; tính hợp lý, hợp lệ, hiệu quả, tiết kiệm trong sử dụng kinh phí; tính trung thực, chính xác, minh bạch, đầy đủ pháp lý của hồ sơ, chứng từ liên quan; thu, chi, hạch toán, quyết toán và lưu trữ hồ sơ theo đúng chế độ quy định.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Phát triển hệ sinh thái hỗ trợ kinh doanh bền vững

1. Nội dung chi:

a) Xây dựng tài liệu về kinh doanh bền vững gồm: bộ công cụ đánh giá mô hình kinh doanh bền vững; các ấn phẩm báo chí, xuất bản (các chương trình, chuyên mục, tiêu phẩm, ký sự, bài viết); các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm văn học nghệ thuật (tranh, pa-nô, áp phích, băng rôn, khẩu hiệu, bảng điện tử); tài liệu, ấn phẩm dưới dạng chương trình truyền hình.

b) Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm theo các hình thức trực tiếp, hoặc trực tuyến, hoặc kết hợp cả trực tiếp và trực tuyến nhằm chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và thực tiễn tốt về kinh doanh bền vững và các mô hình kinh doanh bền vững; tập huấn, hướng dẫn, phổ biến các tài liệu quy định tại điểm a khoản này; kết nối doanh nghiệp kinh doanh bền vững với các tổ chức tín dụng, nhà đầu tư, kết nối các tổ chức, chuyên gia, doanh nghiệp thành công điển hình trong nước và quốc tế.

c) Tổ chức khoá bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, trình độ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác hỗ trợ, quản lý về kinh doanh bền vững.

d) Xây dựng mạng lưới chuyên gia tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh bền vững.

2. Mức chi:

a) Xây dựng tài liệu về kinh doanh bền vững: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi là Thông tư số 76/2018/TT-BTC).

b) Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị (sau đây gọi là Thông tư số 40/2017/TT-BTC).

c) Tổ chức khóa bồi dưỡng nâng cao nhận thức, trình độ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác hỗ trợ, quản lý về kinh doanh bền vững: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

d) Xây dựng mạng lưới chuyên gia tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh bền vững: thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 13 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP và Điều 11, khoản 2 Điều 14 Thông tư số 52/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước chi thường xuyên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ (sau đây gọi là Thông tư số 52/2023/TT-BTC).

Điều 5. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh bền vững

1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh bền vững theo các nội dung quy định tại Chương trình 167 và nội dung hỗ trợ tương ứng quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP. Các cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa xác định nội dung hỗ trợ cụ thể và đối tượng được hỗ trợ theo đúng quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP khi thực hiện hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh bền vững.

2. Nội dung chi, xác định chi phí, kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh bền vững theo quy định tại Thông tư số 52/2023/TT-BTC. Mức ngân sách nhà nước hỗ trợ cho từng nội dung theo định mức hỗ trợ cao nhất quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

Điều 6. Hoạt động quản lý Chương trình

1. Nội dung chi:

a) Xây dựng tài liệu hướng dẫn, quy trình triển khai và xây dựng khung đánh giá, giám sát Chương trình 167 (sau đây gọi chung là tài liệu).

b) Đánh giá tình hình thực hiện Chương trình 167, bao gồm: tổ chức đoàn công tác đánh giá tình hình triển khai ở các bộ, cơ quan trung ương, địa phương; tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp đánh giá kết quả thực hiện Chương trình.

2. Mức chi:

a) Chi phí xây dựng tài liệu thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC.

b) Chi phí tổ chức hội nghị, hội thảo, đoàn đi công tác thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

Chương III

BỐ TRÍ, LẬP, CHẤP HÀNH VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 7. Bố trí kinh phí ngân sách nhà nước

Ngân sách trung ương bố trí cho các hoạt động của Chương trình 167 do các bộ, cơ quan trung ương thực hiện, ngân sách địa phương bố trí cho các hoạt động của Chương trình 167 do các cơ quan ở địa phương thực hiện và theo những quy định sau:

1. Kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nội dung tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 4 Thông tư này được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư này; đối với các tổ chức hiệp hội quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư này thực hiện theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và theo pháp luật về hội.

2. Kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện các nội dung tại điểm d khoản 1 Điều 4 và Điều 5 Thông tư này được lồng ghép vào nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và bố trí theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 14 Thông tư số 52/2023/TT-BTC.

3. Kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện các nội dung tại Điều 6 Thông tư này được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan triển khai hoạt động quản lý Chương trình và theo mức quy định tại Chương trình 167.

Điều 8. Lập, phân bổ, giao dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước

1. Việc lập dự toán, phân bổ, giao dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình 167 theo quy định tại Điều 3, Điều 7 Thông tư này và Điều 15, Điều 17 Thông tư số 52/2023/TT-BTC.

2. Thanh toán kinh phí ngân sách nhà nước.

a) Đối với kinh phí ngân sách nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này: thực hiện thanh toán theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 52/2023/TT-BTC.

b) Đối với kinh phí ngân sách nhà nước quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 7 Thông tư này: hình thức thanh toán, trình tự, thủ tục, hồ sơ, kiểm soát, thanh toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định thủ tục

hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước, Thông tư số 17/2024/TT-BTC ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên qua Kho bạc Nhà nước.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Điều khoản thi hành và tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 04 năm 2025.

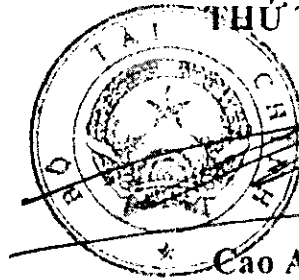
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

3. Các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức hiệp hội, các cơ quan, tổ chức liên quan căn cứ quy định tại Thông tư này để tổ chức quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình 167. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, phối hợp giải quyết theo thẩm quyền. *W*

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cơ quan Trung ương các Hội, Đoàn thể;
- Sở Tài chính, KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Công báo, Cổng thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Cục TCDN (175 bản). *W*

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



W
Cao Anh Tuấn

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

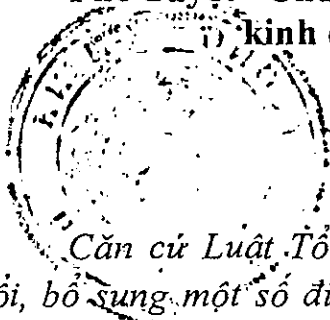
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 167 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt “Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân
kinh doanh bền vững giai đoạn 2022-2025”**



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: 8
	Ngày: 10/2/22

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 04 tháng 7 năm 2016;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết 136/NQ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về phát triển bền vững;

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10 tháng 05 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch hành động quốc gia thực hiện chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững;

Căn cứ Quyết định số 1362/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch phát triển bền vững doanh nghiệp khu vực tư nhân đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

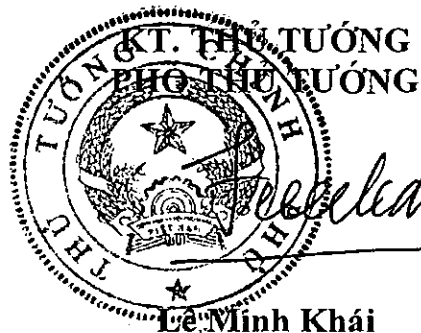
Điều 1. Phê duyệt Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022-2025 ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, ĐMDN (2b). Q. 110





CHƯƠNG TRÌNH

Hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 167 /QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2022
của Thủ tướng Chính phủ)

I. MỤC TIÊU VÀ ĐỐI TƯỢNG HỖ TRỢ

1. Mục tiêu Chương trình

a) Mục tiêu tổng quát

- Phát triển bền vững doanh nghiệp khu vực tư nhân, đảm bảo kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa hiệu quả kinh tế với trách nhiệm xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường, góp phần hoàn thành 17 mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam vào năm 2030.

- Huy động nguồn lực xã hội, từng bước phát triển hệ sinh thái hỗ trợ các doanh nghiệp kinh doanh bền vững, đóng góp tích cực trong việc tạo công ăn việc làm, nâng cao mức sống cho người thu nhập thấp, người yếu thế, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu tại Việt Nam.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Nâng cao nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp khu vực tư nhân về vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng của kinh doanh bền vững.

- Bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, trình độ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng nhu cầu hỗ trợ, tư vấn, quản lý về kinh doanh bền vững.

- Hỗ trợ phát triển tối thiểu 10 công cụ, giải pháp đo lường, đánh giá, công nhận các doanh nghiệp kinh doanh bền vững; qua đó hỗ trợ khoảng 10.000 doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững; góp phần đạt mức tiết kiệm năng lượng 5,0 - 7,0% tổng tiêu thụ năng lượng toàn quốc; tăng năng suất lao động bình quân khoảng 7%/năm.

- Hình thành cơ sở dữ liệu và phát triển hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững.

- Xây dựng các mô hình hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững thành công điển hình để lan tỏa, khuyến khích các doanh nghiệp phát triển bền vững.

- Thu hút các nguồn lực hợp pháp, đặc biệt từ cộng đồng doanh nghiệp để triển khai các sáng kiến hướng tới kinh doanh bền vững.

2. Phạm vi và đối tượng

a) Chương trình thực hiện trên phạm vi toàn quốc trong giai đoạn từ năm 2022 đến năm 2025.

b) Đối tượng:

- Các doanh nghiệp khu vực tư nhân thực hiện kinh doanh bền vững (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp kinh doanh bền vững).

- Các tổ chức thúc đẩy phát triển kinh doanh bền vững: viện nghiên cứu, trường đại học, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp, tổ chức có tư cách pháp nhân thực hiện hoạt động hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp kinh doanh bền vững.

- Các Bộ, cơ quan trung ương; ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là UBND cấp tỉnh) và các đơn vị trực thuộc; các tổ chức hiệp hội được giao nhiệm vụ thực hiện hoạt động của Chương trình.

c) Kinh doanh bền vững bao gồm:

- Mô hình kinh doanh áp dụng kinh tế tuần hoàn: là mô hình kinh tế trong đó các hoạt động thiết kế, sản xuất, tiêu dùng và dịch vụ nhằm giảm khai thác nguyên liệu, vật liệu, kéo dài vòng đời sản phẩm, hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường¹.

- Mô hình kinh doanh bao trùm: là mô hình kinh doanh huy động người thu nhập thấp tham gia trong chuỗi giá trị của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh; trong đó, người thu nhập thấp có thể tham gia với vai trò là nhà cung ứng, là khách hàng, là nhà phân phối hay có thể là người lao động tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra các giá trị chia sẻ.

- Các mô hình kinh doanh bền vững khác: là mô hình kinh doanh đảm bảo các yếu tố bền vững về kinh tế, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, giải quyết các vấn đề an sinh xã hội.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Phát triển hệ sinh thái hỗ trợ kinh doanh bền vững

a) Xây dựng tài liệu, tổ chức phổ biến thông tin, truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội nhằm nâng cao nhận thức của xã hội, cộng đồng doanh nghiệp về kinh doanh bền vững.

b) Tổ chức bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, trình độ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác hỗ trợ, quản lý về kinh doanh bền vững.

c) Xây dựng mạng lưới chuyên gia tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững.

d) Xây dựng, phát triển nền tảng thông tin để hình thành cơ sở thông tin dữ liệu về doanh nghiệp kinh doanh bền vững.

đ) Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức thúc đẩy phát triển kinh doanh bền vững nghiên cứu, phát triển và áp dụng các giải pháp, công cụ nhằm đo lường, đánh giá và công nhận doanh nghiệp kinh doanh bền vững.

¹ Điều 142 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020

e) Khuyến khích các tổ chức tài chính, tín dụng nghiên cứu, phát triển các sản phẩm, dịch vụ tài chính, tín dụng cho kinh doanh bền vững; phát triển nền tảng thông tin kết nối khách hàng doanh nghiệp kinh doanh bền vững với các tổ chức tín dụng, nhà đầu tư.

g) Hỗ trợ tư vấn về các sản phẩm, dịch vụ tài chính, tín dụng cho kinh doanh bền vững.

h) Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và thực tiễn tốt về các mô hình kinh doanh bền vững; các giải pháp, công cụ đo lường; đánh giá và công nhận doanh nghiệp kinh doanh bền vững; kết nối doanh nghiệp thực hiện kinh doanh bền vững với các tổ chức tín dụng, nhà đầu tư; kết nối các tổ chức, chuyên gia, doanh nghiệp thành công điển hình trong nước và quốc tế.

2. Hỗ trợ các doanh nghiệp kinh doanh bền vững

a) Doanh nghiệp được đánh giá và công nhận là doanh nghiệp kinh doanh bền vững được hỗ trợ các nội dung sau:

- Hỗ trợ tư vấn, đào tạo, bao gồm cả hoạt động đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp về xây dựng chiến lược, thiết kế mô hình, phương án kinh doanh bền vững; nhân sự; tài chính, sản xuất, bán hàng, thị trường, quản trị nội bộ và các nội dung khác liên quan tới hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp.

- Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu trong nước và nước ngoài về áp dụng và phát triển mô hình kinh doanh bền vững.

- Hỗ trợ công nghệ bao gồm: tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp; áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, đo lường chất lượng sản phẩm, dịch vụ; tư vấn sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ; tư vấn lựa chọn giải pháp chuyển đổi số.

- Hỗ trợ chi phí thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, mô hình kinh doanh bền vững.

- Hỗ trợ tư vấn tiếp cận tài chính, gọi vốn đầu tư.

- Hỗ trợ về truyền thông, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ kinh doanh bền vững của doanh nghiệp: hỗ trợ đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế; hỗ trợ chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế; hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm, xúc tiến thương mại trong nước và nước ngoài.

b) Doanh nghiệp kinh doanh bền vững là doanh nghiệp nhỏ và vừa được ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các nội dung tại điểm a khoản này theo định mức hỗ trợ cao nhất quy định tại Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các nghị định hướng dẫn Luật.

3. Hoạt động quản lý Chương trình

a) Xây dựng tài liệu hướng dẫn, quy trình triển khai Chương trình; Xây dựng khung đánh giá, giám sát Chương trình.

b) Tổ chức đánh giá và định kỳ hằng năm tổng hợp tình hình thực hiện Chương trình, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và đề xuất sửa đổi, bổ sung nội dung, hoạt động của Chương trình trong trường hợp cần thiết.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Nguồn kinh phí

Kinh phí thực hiện Chương trình bao gồm:

a) Kinh phí đóng góp, tài trợ và các nguồn tài chính hợp pháp khác của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia Chương trình, các quỹ đầu tư trong nước, nước ngoài để thực hiện Chương trình.

✓ b) Kinh phí ngân sách nhà nước trung ương và địa phương (vốn chi thường xuyên): hỗ trợ một phần cho các hoạt động tại khoản 1 (điểm a, b, c, h), đối tượng tại khoản 2 (điểm b) Mục II của Chương trình; không quá 10% tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện Chương trình cho hoạt động tại khoản 3 Mục II của Chương trình. Các hoạt động khác sử dụng nguồn kinh phí xã hội hoá.

Ngân sách Trung ương bố trí cho các hoạt động của Chương trình do các bộ, cơ quan trung ương thực hiện. Ngân sách địa phương bố trí cho các hoạt động của Chương trình do địa phương thực hiện.

2. Nguyên tắc sử dụng kinh phí

a) Việc huy động, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn kinh phí tại điểm a khoản 1 mục III của Chương trình phải tuân thủ đúng quy định pháp luật hiện hành. Trong đó, kinh phí tài trợ cho các hoạt động của Chương trình được sử dụng theo thỏa thuận với nhà tài trợ (nếu có), hoặc theo quy định của Chương trình và các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình (trường hợp không có thỏa thuận với nhà tài trợ).

b) Việc lập, chấp hành và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện Chương trình theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết của Chính phủ, các văn bản hướng dẫn thi hành và văn bản pháp luật liên quan, đảm bảo thiết thực, hiệu quả, khả thi, tiết kiệm

và lồng ghép tối đa vào các chương trình khác có mục tiêu phù hợp với Chương trình.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và các bộ, cơ quan liên quan ban hành hướng dẫn cơ chế tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo khả thi và hiệu quả, trong đó có hướng dẫn về nguyên tắc đo lường, đánh giá và công nhận doanh nghiệp kinh doanh bền vững; tiêu chuẩn, điều kiện sử dụng kết quả của tổ chức đo lường đánh giá và công nhận doanh nghiệp kinh doanh bền vững.

b) Hướng dẫn xây dựng, tổng hợp kế hoạch và dự toán kinh phí triển khai Chương trình hàng năm và giai đoạn 2022-2025 trên phạm vi cả nước; thông báo kế hoạch thực hiện Chương trình theo dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt hàng năm để thực hiện Chương trình.

c) Triển khai hoạt động quy định tại khoản 3 mục II của Chương trình và tổ chức triển khai Chương trình trong phạm vi, lĩnh vực quản lý.

2. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

a) Chủ trì hướng dẫn cơ chế quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình, đảm bảo nguyên tắc quy định tại Quyết định này.

b) Chủ trì xem xét bố trí dự toán ngân sách nhà nước hàng năm để thực hiện Chương trình theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Các Bộ, cơ quan trung ương, UBND cấp tỉnh và tổ chức hiệp hội

a) Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí triển khai Chương trình hàng năm, giai đoạn 2022-2025, thực hiện lồng ghép với các chương trình khác phù hợp mục tiêu của Chương trình này (nếu có); gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp chung trên phạm vi toàn quốc.

b) Giao đơn vị trực thuộc làm đầu mối và tổ chức triển khai Chương trình hàng năm. Thực hiện đánh giá và định kỳ hàng năm tổng hợp tình hình thực hiện Chương trình trong phạm vi, lĩnh vực quản lý; đề xuất sửa đổi, bổ sung nội dung, hoạt động của Chương trình trong trường hợp cần thiết; gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

c) Chịu trách nhiệm về tính khả thi và hiệu quả, tiết kiệm, triển khai Chương trình theo phạm vi và lĩnh vực quản lý, lồng ghép tối đa vào các chương trình tương tự hiện có để triệt để tiết kiệm.

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí kinh phí cho các hoạt động do địa phương thực hiện Chương trình theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Trách nhiệm của các tổ chức thúc đẩy phát triển kinh doanh bền vững

a) Chủ động nghiên cứu, đề xuất, tham gia triển khai các hoạt động cụ thể hỗ trợ thúc đẩy kinh doanh bền vững trong phạm vi các hoạt động của Chương trình.

b) Tuân thủ đúng các quy định hướng dẫn thực hiện Chương trình do cơ quan thẩm quyền ban hành.

5. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh bền vững

a) Cung cấp thông tin, tài liệu về doanh nghiệp kịp thời, đầy đủ, chính xác theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức thúc đẩy phát triển kinh doanh bền vững và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, tài liệu đã cung cấp.

b) Tuân thủ đúng quy định của Chương trình và các văn bản hướng dẫn; thực hiện đúng cam kết với cơ quan, tổ chức thúc đẩy phát triển kinh doanh bền vững.

c) Bố trí nguồn lực đối ứng để tiếp nhận, phối hợp và tổ chức thực hiện hiệu quả nguồn lực hỗ trợ.
